TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 331/2024/DS-PT.
Ngày: 22/4/2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Nhung.

Các Thẩm phán: 1. Bà Mai Thị Mỹ Tiên.

2. Bà Lê Thị Anh Minh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 106/DSPT ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Do bản án dân sự sơ thẩm số: 426/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1075/2024/QĐPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3846/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Khắc M, sinh năm 1966. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường số E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông M: Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1981. (Có mặt).

Địa chỉ: Số B (Lầu A) APĐ 01, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1/ Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1962. (Có mặt).

2/ Bà Đặng Thị Như Ý, sinh năm 1973. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, đường số D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số B, đường số C, tổ A, khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Vũ Thị Huyền A, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường số E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kháng cáo: Nguyên đơn ông Trịnh Khắc M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Khắc M và cáctài liệu chứng cứ trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án thể hiện như sau:

Do ông Trịnh Khắc M (Nguyên đơn) có quen biết và tin lời ông Nguyễn Xuân P (Bị đơn) nói ông là giảng viên đại học, đang cần tiền trả nợ và vốn làm ăn nên muốn vay tiền, nên ông M vay ngân hàng nhiều hơn số tiền đang cần để có tiền cho vợ chồng ông P vay, vợ chồng ông P biết việc này và đồng ý chịu tất cả các khoản lãi. Ngày 16 tháng 12 năm 2011, ông M cho ông P vay 1.279.800.000 đồng, trong đó có 1.200.000.000 đồng và 3.800 đô la Mỹ (Hai bên thống nhất quy đổi thành tiền đồng Việt Nam là 79.800.000 đồng); Lãi suất thỏa thuận là 19%/năm (Tương đương 1,58%/tháng); Nếu đến hạn trả nợ mà ông P không trả thì sẽ tính theo lãi suất quá hạn bằng 19% x 150%/năm để tính lãi như quy định của Ngân hàng. Đến nay, ông P vẫn chưa trả tiền gốc, tiền lãi cho ông M. Ông P có ký xác nhận nợ để xin gia hạn trả nợ, nên ông M phải trả nợ lãi vay, lãi phạt cho Ngân hàng. Ông M còn vay nóng để đáo hạn Ngân hàng cho ông P và phải trả theo lãi ngày trên số tiền vay nóng. Ngày 30 tháng 8 năm 2020, ông M và ông P chốt lại tổng tiền nợ gốc, lãi ông P nợ ông M là 4.061.851.013 đồng và ông P đã ký xác nhận nợ. Ngày 27 tháng 11 năm 2022, ông P hứa trước ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ trả 500.000.000 đồng, nhưng đến nay ông P vẫn không trả. Ngày 09 tháng 5 năm 2023, ông M gửi Thông báo đòi nợ cho ông P nhưng không phản hồi, nên ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông P và bà Ý phải thanh toán số tiền theo Giấy cam kết và xác nhận trả nợ vay ngày 30 tháng 8 năm 2020 là 4.601.851.013 đồng và trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong cam kết là 19%/năm (Tương đương 1,58%/tháng) tạm tính từ ngày 30 tháng 8 năm 2020 đến ngày 28 tháng 3 năm 2023 (31 tháng) là 4.601.851.013 đồng x 1,58% x 31 tháng = 2.253.986.620 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 6.855.837.639 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 25 tháng 9 năm 2023 bị đơn ông Nguyễn Xuân P trình bày:

Năm 2011 ông có quen ông Trịnh Khắc M thông qua giới thiệu, lúc này ông đang đến hạn khoản vay 1.000.000.000 đồng tại ngân hàng, ông M biết ông đang tham gia khai thác vàng tại Campuchia nên ngỏ ý cùng đầu tư. Khoảng đầu tháng 6 năm 2011, ông M có cho ông vay số tiền 1.000.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận lãi suất, cùng thời gian đó, ông M đồng ý cùng góp chi phí để thực hiện việc khai thác vàng tại Campuchia, ông M là người bỏ vốn để thực hiện, cụ thể như sau: đưa cho ông 3.800 USD để chi tiêu đi lại qua Campuchia và dựng trại; 72.000.000 đồng tiền mua vật tư và 8.500.000 đồng tiền ăn uống, đi lại.

Cuối năm 2011, việc làm ăn bị thất bại nên ông M yêu cầu tôi viết giấy nhận nợ đề ngày 16 tháng 11 năm 2011. Ông M tính tiền lãi từ 10 tháng 6 năm 2011 đến 10 tháng

12 năm 2011 là 120.000.000 đồng; Tiền mua vật tư 72.000.000 đồng, tiền ăn uống đi lại 8.500.000 đồng cộng luôn vào tiền vay và yêu cầu ông viết giấy nhận nợ với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng + 3.800 USD. Do khó khăn nên ông chưa trả nợ cho ông M, ông 9

M nhiều lần làm sẵn giấy nợ và yêu cầu ông ký nhận với số tiền gốc, lãi do ông M tính cộng dồn, vì chưa có tiền trả nên ông đồng ý ký, hiện ông không nhớ rõ đã ký bao nhiêu giấy và số tiền ông M yêu cầu ghi nhận nợ là bao nhiêu. Nay ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 6.855.837.000 đồng tôi không đồng ý vì các lý do như sau:

- Vợ ông (bà Ý) không liên quan đến việc mượn tiền giữa ông và ông M nên nên vợ ông không có trách nhiệm trả nợ.

- Số tiền ông vay của ông M chỉ có 1.000.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm tính từ thời điểm 10 tháng 6 năm 2011.

- Số tiền 3.800 USD (quy đổi giá trị thời điểm vay 79.000.000 đồng); 72.000.000 đồng tiền mua vật tư; 8.500.000 đồng tiền ăn uống đi lại là tiền góp chung để đầu tư làm ăn, tổng cộng 159.500.000 đồng. Việc làm ăn thất bại, thua lỗ đều phải chịu nên không thể buộc ông phải chịu lãi. Ông M tính lãi chồng lãi để buộc tôi trả gần 7 tỷ đồng là không phù hợp quy định của pháp luật. Các chữ ký trong các Giấy cam kết và xác nhận trả nợ vay mà ông M nộp đều là chữ ký của ông, không có chữ ký của vợ ông bà Ý, đề nghị Tòa án xem xét.

- Ông chỉ chấp nhận trả cho ông M số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2011. Chấp nhận trả số tiền 159.500.000 đồng là tiền góp vốn nên không chấp nhận trả lãi cho khoản tiền này.

* Tại lời khai đề ngày 22 tháng 9 năm 2023 bị đơn bà Đặng Thị Như Ý trình bày:

Việc ông P vay tiền ông M là giao dịch riêng giữa hai ông, bà không nhận tiền của ông M, bà cũng không ký bất kỳ văn bản nào. Nay ông M khởi kiện bà cùng chồng bà ông P trả nợ cho ông M là không đúng, đề nghị Tòa án xét xử bà không liên quan đến việc vay mượn giữa ông P với ông M.

* Tại bản tự khai ngày 08 tháng 6 năm 2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Huyền A trình bày:

Bà có nghe việc ông M nói cho ông P vay tiền, nhưng đây là tiền riêng của ông M không phải tiền chung của vợ chồng, nên việc vay mượn giữa ông P và ông M bà không chứng kiến. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông M.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông M thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Ông M rút một phần khởi kiện, không yêu cầu bà Đặng Thị Như Ý trả nợ cho ông M, chỉ yêu cầu ông P trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.883.817.567 đồng, trong đó nợ gốc là

còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.883.617.567 đồng, trong đó nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 16 tháng 5 năm 2012 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.592.320.767 đồng và 3.800 USD quy đổi bằng 91.488.800 đồng.

- Bị đơn ông P trình bày: Ông chỉ xác nhận giấy biên nhận ngày 16 tháng 12 năm 2011 do ông viết giấy cam kết và xác nhận số tiền ông đã vay của ông M gồm: Tiền vay 1.000.000.000 đồng, tiền mua vật tư 72.000.000 đồng, tiền góp vốn làm ăn 3.800 USD và 8.500.000 đồng và 120.000.000 đồng tiền lãi từ khoản vay nào ông không nhớ. Nay,

ông đồng ý trả số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng cộng với lãi suất 9%/năm tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2011 đến nay và 3.800 USD.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 426/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7 đã tuyên:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Đặng Thị Như Ý liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông nguyên đơn.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Khắc M.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân P, có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trịnh Khắc M số tiền vay còn nợ là 2.983.833.800 đồng, trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, lãi là 1.692.345.000 đồng và 3.800 USD quy đổi sang Việt Nam đồng là 91.488.800 đồng và ông P còn phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí:

- Bị đơn ông Nguyễn Xuân P được miễn án phí.

- Nguyên đơn ông Trịnh Khắc M phải chịu số tiền án phí là 38.999.513 đồng, được trừ vào số tiền ông M đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 57.427.919 đồng theo biên lai số 0036922 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho ông M số tiền 18.428.406 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 12 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 426/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7 về số tiền nguyên đơn được chấp nhận và án phí nguyên đơn phải chịu

theo thủ tục phúc thẩm.

* Ngày 25 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn ông M có kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 426/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7 theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn và bị đơn trình bày: Yêu cầu tòa cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 426/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh vì hai bên đã thống nhất được phương án thanh toán nợ.

11

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm số 426/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Trịnh Khắc M và bị đơn ông Nguyễn Xuân P thống nhất ông P chỉ còn nợ ông M duy nhất một khoản nợ là 3.224.612.768 đồng (Ba tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng). Ông P có trách nhiệm thanh toán cho ông M số tiền 3.224.612.768 đồng trong thời hạn là 02 tháng, hạn chót là ngày 22 tháng 6 năm 2024.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Án phí:

[21.] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Khắc M và ông Nguyễn Xuân P phải chịu là theo quy định Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[72.000.000 đồng + (2% x 1.224.612.768 đồng)] x 50% = (72.000.000 đồng + 24.492.255 đồng) x 50% = 96.492.255 đồng x 50% = 48.246.128 đồng.

Ông M và ông P mỗi người chịu ½ án phí là: 48.246.128 đồng : 2 = 24.123.064 đồng.

Ông P được miễn án phí theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

12

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông M phải chịu án phí là 24.123.064 đồng, được trừ vào số tiền ông M đã nộp tạm ứng án phí là 57.427.919 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm mười chín đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0036922 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. H lại cho ông M số tiền là 33.304.855 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm lẻ bốn nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng).

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0037481 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7. Ông M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 148; Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

- Luật Thi hành án năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Luật người cao tuổi năm 2009;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 426/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Nguyên đơn ông Trịnh Khắc M và bị đơn ông Nguyễn Xuân P thống nhất ông P chỉ còn nợ ông M duy nhất một khoản nợ là 3.224.612.768 đồng (Ba tỷ hai trăm hai

13

mươi bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng). Ông P có trách nhiệm thanh toán cho ông M số tiền 3.224.612.768 đồng trong thời hạn là 02 tháng, hạn chót là ngày 22 tháng 6 năm 2024.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Xuân P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trịnh Khắc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.123.064 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng), được trừ vào số tiền ông M đã nộp tạm ứng án phí là 57.427.919 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm mười chín đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0036922 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. H lại cho ông M số tiền là 33.304.855 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm lẻ bốn nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng).

- Ông Trịnh Khắc M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0037481 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7. Ông M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7, TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

14

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Nhung

15